

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1993, nơi cư trú: Xóm An Lập, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh K, sinh năm 1979, nơi cư trú: # 33-40- Dongsin - Gil Baekun - myeon Jinan - gunseollabuk - do, Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh K quen biết nhau và đã tổ chức đính hôn tại thành phố Hải Phòng. Sau đó anh K trở về Hàn Quốc và chị Hòa gửi giấy tờ sang Hàn Quốc để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Chị Hòa và anh K đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 17 tháng 01 năm 2012. Tại Việt Nam, chị Hòa đã thực hiện ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 24 tháng 02 năm 2012. Sau đó chị Hòa đã đi phỏng vấn xin visa sang Hàn Quốc đoàn tụ với anh Knhưng không được do anh K không đủ điều kiện để bảo lãnh cho chị sang Hàn Quốc. Từ đó đến nay anh K không còn liên lạc với chị Hòa nữa và cũng không trở về Việt Nam. Do

hai người xa cách quá lâu nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến nay, nhận thấy tình cảm không còn và không còn khả năng đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh K có hợp pháp hóa lãnh sự trình bày:

Anh và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 17 tháng 02 năm 2012. Sau khi kết hôn, anh trở lại Hàn Quốc và gửi hồ sơ về Việt Nam cho chị Hòa làm thủ tục xin visa sang Hàn Quốc. Vì điều kiện của anh lương thấp nên Đại sứ quán không cấp visa cho chị Hòa. Từ đó giữa chị Hòa và anh xảy ra mâu thuẫn, anh và chị Hòa không còn liên lạc và nói chuyện với nhau nữa. Đến nay, chị Hòa làm đơn xin ly hôn với anh, anh cũng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị H không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh K. Anh Khiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tổ tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Bùi Thị H và anh K vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày tại Hàn Quốc ngày 17 tháng 02 năm 2012 và đã ghi chú kết hôn tại UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 24 tháng 02 năm 2012. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị Bùi Thị H và anh K xác định không còn tình cảm và yêu thương nhau và không còn khả năng đoàn tụ. Hiện anh K sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc còn chị Bùi Thị H ở Việt Nam. Xét việc chị Bùi Thị H và anh K cùng thuận tình ly hôn là tự nguyện do mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp quy định tại Điều 55

của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H và anh Ktheo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Kđược ly hôn.
2. Về nuôi con chung và tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Kkhông có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0008566 ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh Kđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp